

VẬN DỤNG KHÁI NIỆM THỂ DIỆN VÀO VIỆC PHÂN TÍCH NGÔN NGỮ NHÂN VẬT

NGUYỄN HOÀNG TUẤN

Thể diện là một khái niệm quan trọng chỉ phối các hoạt động giao tiếp xã hội. Coi trọng thể diện của bản thân và của người khác sẽ giúp nuôi dưỡng những giá trị cao đẹp trong cuộc sống như sự tế nhị, thái độ cảm thông, đức khiêm tốn, lòng khoan dung, v.v.. Nghĩa là nó giúp cho ta hoàn thiện nhân cách cũng như có được phép xử thể đúng mực, công bằng. Do ảnh hưởng sâu xa trong đời sống nên đã có nhiều công trình nghiên cứu từ nhiều góc độ khác nhau nhằm đưa ra một định nghĩa chính xác về thể diện. Các lý thuyết về *thể diện*, và kéo theo đó là về “phép lịch sự”, đã góp phần định hướng cho hành vi con người, đồng thời tạo nền tảng lập luân vững chắc để lí giải những hành vi giao tiếp của con người được phản ánh trong mọi lĩnh vực đời sống.

Trong lĩnh vực ngôn ngữ và văn học, khái niệm *thể diện* giữ vai trò quan trọng trong việc giải mã những thông điệp hàm chứa trong những tín hiệu ngôn ngữ (và phi ngôn ngữ), qua đó giúp ta hiểu được một cách sâu sắc thế giới tinh thần phong phú, đa dạng của con người. Do các nghi thức ngôn giao đều hướng về việc giữ gìn, tôn trọng thể diện của mọi người tham gia vào hoạt động giao tiếp nhằm đạt tới sự hài hòa trong quan hệ xã hội nên chúng tôi sẽ tập trung tìm hiểu những hoạt

động giao tiếp bằng lời trong thế giới văn học. Những hoạt động giao tiếp ấy mang dấu ấn của những giá trị nhân văn gắn kết con người đơn lẻ vào trong một cộng đồng có cùng chung tiếng nói.

Để phục vụ cho mục đích nghiên cứu, chúng tôi chọn truyện ngắn *Tư cách mō* của Nam Cao làm mẫu tiêu biểu cho việc phân tích ngôn ngữ nhân vật. Ở đây chúng tôi xin mở ngoặc nói thêm rằng tác phẩm này tuy không phải là tác phẩm mang tầm cõi như *Chí Phèo*, *Lão Hạc*, *Đời Thừa*, *Đời Mất*,... nhưng chính cái tầm cõi khiêm tốn của nó đã cho thấy *thể diện* là một vấn đề được đề cập đến khá đậm nét trong sáng tác của Nam Cao.

Anh Lộ là con một quan viên tử tế ở họ đạo Lưu An. Nhà nghèo túng nhưng anh ăn ở hiền lành, phân minh nên ai cũng mến. Xảy ra trong họ đạo khuyết một chân sãi (mō), ngày xưa gọi là lềnh, chuyên việc quét dọn nhà thờ và đi mời quan viên khi có đám tiệc hay hội họp. Do không ai chịu nhận làm nên các quan viên trong xứ đạo tìm cách thuyết phục anh Lộ vì thấy anh “cẩn thận mà sạch sẽ”. Lộ nhận lời. Nhờ chăm chỉ nên nhà đỡ hơn trước khiến nhiều người ganh tị. Họ về hùa với nhau tìm đủ dịp miệt thị, khinh khi anh ra mặt. Lúc đầu Lộ thấy nhục nhã muốn bỏ việc, nhưng nghĩ cũng tiếc

nên anh dành tặc lưỡi làm ngơ trước những lời ồn tiếng ve, song trong lòng thì thấy thẹn lấm. Để chữa thẹn, anh cố làm ra vẻ “trung tráo”, riết rồi quen dần, không ngượng nghịu nữa. Người ta càng khinh, càng làm nhục anh thì anh càng không biết nhục. Cuối cùng anh trở thành “một thằng mồ dù tư cách mồ, chẳng chịu kém những anh mồ chính tông một tí gì: cũng đê tiện, cũng lầy lội, cũng tham ăn”. Cuối câu chuyện Nam Cao (người kể chuyện) đưa ra một nhận xét mang tính đúc kết như thế này: “Hỡi ôi! Thì ra lòng khinh, trọng của chúng ta có ảnh hưởng đến cái nhân cách của người khác nhiều lắm; nhiều người không biết là tự trọng, chỉ vì không được ai trọng cù; làm nhục người là một cách rất diệu để khiến người sinh đê tiện...”. Câu chuyện cho thấy Nam Cao đã thâu tóm được một cách tài tình nét cơ bản của các khái niệm “thể diện” và “phép lịch sự” do các nhà ngôn ngữ học đề xuất.

Trước tiên phải kể đến các phương châm lịch sự của Geoffrey Leech (1983). Leech đề ra 6 phương châm để đảm bảo cho việc duy trì mối quan hệ giao tiếp được hài hòa: (dẫn theo Hồ Lê, [3]).

1. Phương châm khéo léo: đối với người đối thoại, tối thiểu hóa những điều bất lợi và tối đa hóa những điều có lợi cho họ.

2. Phương châm hào phóng: tối thiểu hóa sự lợi cho mình, nhận tối đa những điểm bất lợi về mình.

3. Phương châm rộng lượng: đối với người đối thoại, tối thiểu hóa những lời chê, tối đa hóa những lời khen.

4. Phương châm khiêm tốn: tối thiểu hóa sự tự đê cao, tối đa hóa sự tự chỉ trích.

5. Phương châm tán đồng: đối với người đối thoại, tối thiểu hóa sự bất đồng, tối đa hóa sự đồng tình.

6. Phương châm cảm thông: đối với người đối thoại, tối thiểu hóa sự ác cảm, tối đa hóa sự thiện cảm.

Theo Hồ Lê, các phương châm này “có thể tham khảo, nhưng không có tính hướng dẫn tuyệt đối. Bởi vì hoàn cảnh ngôn giao hết sức đa dạng. Việc áp dụng theo kiểu giáo điều bài cứ phương châm nào cũng có thể dẫn tới hoặc vi phạm sự tự trọng hoặc vi phạm sự tôn trọng cũng như sự đối xử công bằng với người khác”. (Hồ Lê, sđd)

Một lý thuyết khác về phép lịch sự đáng chú ý hơn: phép lịch sự do Brown và Levinson (1987) đề xuất dựa trên khái niệm “thể diện”. Theo Brown và Levinson, thể diện chính là hình ảnh của bản thân ta trước công chúng (our public self-image) và lịch sự là cho thấy ý thức về nhu cầu giữ thể diện. Thể diện bao gồm hai phương diện có quan hệ với nhau: thể diện dương (positive face) và thể diện âm (negative face). Thể diện dương là điều mà mọi người muốn mình được khẳng định, được tôn trọng. Thể diện âm là ý muốn được tự do hành động với tư cách là người lớn, đủ năng lực, không bị ai áp đặt hay cản trở trong hành động. Như vậy mỗi người có một “không gian cá nhân” hay lãnh địa mà người khác không được xâm phạm.

Cái nhu cầu muốn được người khác chấp nhận và tôn trọng thể diện (face wants) biểu hiện rất rõ ở anh Lộ. Lúc chưa trở thành mồ, anh Lộ được mọi người yêu mến, nghĩa là cái thể diện dương (positive face) của anh được mọi người, từ quan viên đến trai em trong xứ đạo, ai ai cũng đều chấp nhận. Để

lí giải cho điều này ta có thể xem qua các “thông số” về anh Lộ trước khi anh trở thành mō.

1. Nguồn gốc gia đình: “là con một ông quan viên tử tế hồn hoài”.

2. Cá tính: “hiền như đất”, “cờ bạc không, rượu chè không, anh chỉ chăm chăm, chui chúi làm để nuôi vợ, nuôi con”.

3. Tình trạng gia đình: “Bố mẹ chết cả rồi. Chị cu thì y như con mài mại; lúc nào cũng chữa”.

4. Điều kiện kinh tế: “Vườn đất hẹp. Gia sản không có gì”.

5. Nghề nghiệp: “cày thuê, cuốc mướn”.

6. Cách cư xử: “Anh chỉ làm mà ăn với nuôi vợ nuôi con, chứ không hề ăn trộm, ăn cắp của ai. Cái sự túng làm liều, anh tịnh không có. Nhà hàng xóm có con gà con vịt chạy sang, hoặc buồng chuối, quả mít liền kề ngay với giậu nhà anh, anh cũng mặc thây, không hề có cái tính tất ma, tất mất. Nói cho phải thì anh cu Lộ ăn ở phân minh lắm”.

7. Quan hệ xã hội: “... kẻ trên, người dưới, hàng xóm láng giềng ai cũng mến”.

Các thông số trên gộp lại đủ để tạo lập một hình ảnh tốt về bản thân anh Lộ trong cộng đồng, nhưng mọi người trong cộng đồng đó đã không còn chấp nhận cái thể diện ấy từ khi thấy anh làm ăn khẩm khả. Nó hoàn toàn biến mất, và bị thay thế bằng khái niệm “tư cách mō” đúng theo quá trình mà Brown và Levinson mô tả: thể diện là “một cái gì đó được đầu tư bằng tình cảm và có thể bị mất đi, hay được duy trì, hoặc được nâng cao, và phải luôn luôn được để tâm đến trong giao tiếp” (dẫn theo Nguyễn Quang, [5, 49]).

Trong mọi hoạt động giao tiếp, các nhu cầu thể diện (face wants) của anh Lộ đều không được thỏa mãn, thậm chí còn bị sỉ nhục. Cái hình ảnh về anh lē ra phải được nhất quán trong sự đánh giá của mọi người thì giờ đây trở thành một cái gì hèn hạ, đáng ghét: “Giống mō có khác! Không trách được người ta gọi là đồ mō! ... Trông ghét quá!...” “Người ta tưởng như ông trời đã cố ý sinh hắn ra như thế để làm mō; hắn có cái cốt cách của một thằng mō ngay từ khi còn ở bụng mẹ, và là mō ngay từ ngày mới sinh...”. Họ nói về anh như thế, và vô hình trung là nói về một vấn đề lớn: định nghĩa về thân phận con người. Trả lời cho câu hỏi “Thế nào là một con người?”, Fasold (1990) đáp: con người là “có suy nghĩ và có nhu cầu về thể diện” (dẫn theo Nguyễn Quang, [5, 50]). Định nghĩa đó đúng trong trường hợp người ta cần đến anh Lộ để diễn khuyết cho chân sãi không ai chịu nhận. Người ta biết rất rõ là anh “có suy nghĩ và có nhu cầu về thể diện”. Điều này được phản ánh qua những lời nói cẩn nhắc thiệt hơn của các quan viên: “Giá anh ta chịu cảng đóng việc này cho thì hay quá! Anh ta cần thận mà sạch sẽ...”; “Mà nhà cũng túng. Vườn đất hẹp. Cảng đóng được thì được thêm bốn sào vườn nữa, sau thuế không phải đóng...”; “Mà mỗi ki thuế, họ lại còn cho thêm tiền...”; “Kể ra thì chỉ toàn những cái lợi. Nhưng chỉ sợ anh ấy còn e cái tiếng...”. Những từ tình thái như: giá, quá, mà, lại còn, nhưng, v.v. cho thấy họ cần và đánh giá cao về anh. Đây là những điều họ suy nghĩ và cũng không có gì ngăn ta liên tưởng đến việc anh cũng suy nghĩ theo cái lē thường tình đó.

Về hình thức đó là những điều suy nghĩ của các quan viên về anh Lộ,

"nghĩ đến một cách rụt rè thôi". Nhưng thực chất đó chính là tiếng vọng trong suy nghĩ của anh Lộ. Nam Cao đã đặt lời nhân vật dưới hình thức gián tiếp như vậy để cho thấy rằng các quan viên, và dĩ nhiên kể cả bản thân anh Lộ, cũng ý thức rất rõ tầm quan trọng của việc giữ thể diện. Họ chỉ ra bao nhiêu cái lợi khi làm mō, nhưng họ "chỉ sợ anh ấy còn e tiếng". Chính vì lẽ đó mà khi có cụ quan viên muốn xem xét vấn đề ở góc độ "tính chất công việc và khoảng cách, địa vị xã hội" thì cụ tiên chỉ "mùm mỉm cười", rồi đề xuất "chiến lược lịch sự": "Hay là ta cho tìm anh ấy đến, dỗ anh ấy xem sao?". Khi tạo lập phát ngôn này ắt hẳn cụ tiên chỉ có chịu ảnh hưởng của ba nhân tố mà Brown và Levinson (1987) cho là ba nhân tố quan trọng nhất tác động đến việc sử dụng các chiến lược lịch sự trong quá trình giao tiếp. Đó là: quyền lực quan hệ (Relative power), khoảng cách xã hội (Social distance), và mức độ áp đặt (Ranking of imposition). Ở địa vị của mình cụ tiên chỉ có thể dùng đại từ nhân xưng nó để chỉ anh Lộ, nhưng cụ lại dùng "anh ấy" qua đó thể hiện thái độ tôn trọng và thừa nhận tư cách xã hội của anh Lộ. Nhưng nói như thế không có nghĩa là xoá nhòa khoảng cách xã hội giữa họ và anh Lộ, hay có nghĩa là triệt tiêu ý niệm quyền lực, vì cụ vẫn dùng cụm từ "cho tìm (anh ấy đến)" để phân định rõ vai vế, thứ bậc. Trong tổ chức tôn ti ở xứ đạo Lưu An có các quan viên đứng đầu là ông trùm. Nam Cao đã giải thích rõ: "Ông trùm bên họ cũng như người lí trưởng bên dân. Dưới ông trùm, đến ông quản giáo, trông coi việc dạy trẻ học kinh. Sau cùng đến ông sơ, tức là những ông đã dỗ bằng Sơ học yếu lược; và đã nộp lệ và làm rượu trình làng. Đây là hạng quan viên". Còn lại là bọn

trai em. "Đã có quan viên, có trai em, tất cũng phải có một thằng mō nữa cho đủ bộ". Để chiêu dụ người, các cụ không gọi là mō mà gọi là lènh. "Lènh chuyên việc quét dọn nhà thờ, và đi mời họ mỗi khi có ăn uống hay hội họp. Đi mời từng nhà một, chứ không cần phải rao. Mỗi chén một tí nhưng không xấu hổ. Họ sẽ cắt lượt các em trai ra làm mō mỗi người ba năm. Người lènh được ngồi ngang với trai em khác, và hết hạn rồi, nếu có tiền hay tài cán, muốn làm quan viên, vẫn được. Như vậy thì cũng chẳng có gì là mất giá trị. Đến lần, đến lượt thì ai cũng làm..."

Như vậy trong cơ cấu thứ bậc, các cụ đã có xem xét đến yếu tố lịch sự. Lời đề nghị "cho tìm anh ấy đến" cũng là một lời đề nghị đầy cẩn trọng cốt làm sao không đi ngược lại nguyên tắc lịch sự vốn đã hiện diện trong cơ cấu thứ bậc đó. Nếu nói "Hay là ta cho đòi anh ấy đến" thì quả là một sự áp đặt, còn nếu nói: "Hay là ta mời anh ấy đến" thì không còn gì là tôn ti nữa. Tình hình trở nên khác hẳn với cách dùng từ *cho tìm*: dù nhở cây nhưng vẫn giữ tư cách kẻ bể trên, bảo toàn được nguyên vẹn thể diện của cả đôi bên đúng theo nguyên tắc mà E. Goffman đã đề ra: thể diện của một con người liên quan đến "lòng tự trọng về phương diện xã hội - tâm lí của một cá nhân trong giao tiếp. Do vậy, trong giao tiếp mỗi người cần thực hiện những điều để cho các hành động của mình giữ được thể diện của mọi người, kể cả của chính mình". (dẫn theo Nguyễn Đức Dân, [2]).

Ý thức của cụ tiên chỉ về quyền lực còn thể hiện rõ nét qua cách dùng từ *dỗ* ("Hay là ta cho tìm anh ấy đến, dỗ anh ấy xem sao?"). Từ *dỗ* là một từ đồng nghĩa với từ *thuyết phục*.

Nhưng nếu dùng từ *thuyết phục* thì cũng vậy, sẽ không thể hiện được tư thế của người trên nói với kẻ dưới. Từ *dỗ* là một từ rất đất: chỉ có thể “dỗ” những người thuộc hàng con cháu thôi. Còn nếu dùng đến từ *dụ* thì không ổn dù “người ta kẽ tất cả những cái lợi ra để nhử”. Không thể hạ thấp người đối ngôn đến mức độ xem họ là kẻ ngu ngốc, khờ khạo được. Vậy thì chỉ có thể “dỗ” thôi. Mà đã muốn “dỗ” cho đối tác thuận theo thì phải giả định được thái độ, lập trường của họ trước khi ta thực hiện “hành vi dỗ dành”. Thái độ của anh Lộ át cũng giống như thái độ của bọn trai em “quên hẳn cái lệ lèn ngày xưa rồi, chỉ biết có sài là một anh na ná như thằng mõ, bây giờ nhất định bướng, không chịu làm việc ấy” (chúng tôi nhấn mạnh). Có thể lập các tiền giả định sau:

1. Xứ đạo cẩn anh Lộ làm mõ.
2. Anh Lộ hội đủ điều kiện.
3. Anh Lộ không săn lòng nhện.

Các tiền giả định ấy ảnh hưởng đến cách cụ tiên chỉ tạo lập phát ngôn, và kết quả là ta có phát ngôn: “Hay là ta cho tìm anh ấy đến, dỗ anh ấy xem sao?”. Theo lời đề nghị ấy các quan viên đã chọn một chiến lược lịch sự thích hợp: “Lộ đến. Người ta kẽ tất cả những cái lợi ra để nhử. Rồi người ta lại cố cất nghĩa cho anh hiểu: làm sao chẳng có gì là nhục, cũng là làm việc họ đây thôi; ai cũng ngại, không chịu đứng ra cảng đáng, thì mình đứng ra cảng đáng giúp cho cả họ; có phải mình tham lợi, tự nhiên đem trầu cau đến xin làm đầu mà sợ tiếng?...”. R. Lakoff quan niệm rằng: lịch sự là tôn trọng nhau. Các quan viên đã chọn phép lịch sự như là “một biện pháp dùng để giảm bớt trở ngại trong tương

tác giao tiếp giữa các cá nhân” (dẫn theo Nguyễn Đức Dân, sđd). Họ đã thực hiện đúng quy tắc mà Lakoff đề ra: Làm cho người đối thoại cảm thấy thoải mái (trong trò chuyện thân mật). (Hai quy tắc còn lại là: Không áp đặt (trong lễ nghi, ngoại giao); Để ngỏ sự lựa chọn (trong giao tiếp thông thường). Biết rằng Lộ sợ mang tiếng nên các cụ tìm cách giải tỏa tâm lí: “Không, thế này, anh cứ ạ; giá anh cầu cạnh để làm thì còn có người nói được. Đằng này thì anh không cầu cạnh. Chúng tôi gọi anh đến cho làm, thì việc gì anh không làm? Ấy là tất cả các cụ, cùng quan viên trên, quan viên dưới đều mến cái bụng anh hiền lành... Anh cứ làm”. Bảo Lộ làm thì đúng là một hành vi đe doạ thể diện âm hay lanh địa của Lộ vì đã đưa ra một yêu cầu, một mệnh lệnh; nghĩa là can thiệp vào sự tự do hành động của Lộ. Nhưng các cụ đã thực hiện được điều kiện tiên quyết của hoạt động lịch sự: “tính toán được các mức độ hiệu lực đe dọa thể diện của hành vi lời nói minh định nói để từ đó mà tìm cách giảm nhẹ nó” [1]. Vì vậy mà các cụ đã khẳng định rằng Lộ không “cầu cạnh để làm”; nghĩa là khẳng định rằng thể diện dương tính của anh sẽ không bị tổn hại. Tiếp đó các cụ dùng đến khái niệm quyền lực, tôn ti để trấn an Lộ; họ bảo với Lộ rằng đó là ý muốn của các cụ với hàm ý không phải để áp đặt mà là để cho Lộ thấy rằng anh được hậu thuẫn của các cụ. Trong xã hội tôn ti, thứ bậc thì việc “gọi anh đến cho làm” là một việc hoàn toàn chấp nhận được, không hề có yếu tố bất lịch sự hay đe dọa thể diện gì cả.

Để tăng sức thuyết phục, các cụ thực hiện hành vi khen theo tinh thần phương châm của Leech: tối đa hoá

những lời khen ("Ấy là tất cả các cu, cùng quan viên trên, quan viên dưới đều mến cái bụng anh hiền lành"). Hành vi khen này "bô trơn" cho hành vi mệnh lệnh, đồng thời cũng là hành vi động viên, thúc giục tiếp liền theo sau: "Anh cứ làm". Ngoài ra, các cụ còn dùng đến các "phương sách làm dịu" mức độ phương hại thể diện theo như cách gọi của Fraser (mitigation devices) chẳng hạn như dùng từ phủ định không, đại từ chúng tôi, danh từ chung tất cả các cụ, cùng quan trên quan dưới, từ tình thái đều,... Đặc biệt là "hành vi ngữ dụng thể hiện luật tâm lí "phủ lớp ngọt lén viên thuốc đắng"; người nghe tìm được cái may trong cái rủi, tìm được cái lợi trong cái bị tổn hại; tìm được cái đề cao thể diện trong cái làm phương hại thể diện". [2, 151].

Nhưng khi Lộ nhận làm mõ thì cũng là lúc Lộ đứng trước ít nhất là hai nguy cơ: nguy cơ đánh mất thể diện và, tiềm ẩn sâu xa hơn, nguy cơ bị huỷ hoại nhân cách trước những hành vi làm phương hại thể diện do những người khác gây ra. Bị khinh miệt, Lộ đã chọn "Tư cách mõ" thay cho "Thể diện". Khi thấy Lộ "làm sái ngon ăn quá", người ta ngầm ngầm ghen tị, rồi về hùa với nhau tìm đủ mọi cách, mọi dịp để hạ nhục Lộ. Họ chê bai, châm chọc, chê giễu, chửi bời, gán biệt danh không hay,... dùng toàn những hành vi đe doạ thể diện của Lộ. Ở đám tiệc (một nơi rất nhạy cảm với thể diện) họ cố tình vi phạm nguyên tắc "xưng khiêm, hô tôn", trích thượng hỏi: "Lộ đấy à, mày?"; rồi cố tình nói khát: "Chà, cõi to đấy nři? Đang ấy hoá ra lại... bã!"; thậm chí chửi xéo: "Mẹ kiếp! Không trách được người ta bảo: Tham như mõ". Những hành vi phương hại

thể diện đó đã đẩy Lộ đến một tình thế nan giải; và vì không còn thể diện nên anh không chọn được cách giải nào khác hơn là lợi dụng địa vị hèn hạ của một thằng mõ để nhũng nhiễu kẻ khác. "Hắn nghĩ ra đủ cách xoay người ta. Vào một nhà nào, nếu không được vừa lòng, là ra đến ngõ, hắn chửi ngay, không nguemg: "Mẹ! Xử bắn cá với thằng mõ...". Xung đột giữa cá nhân và cộng đồng bấy giờ được thể hiện qua tiếng chửi, và đó là dấu hiệu đáng buồn cho mối quan hệ xã hội thiếu sự quan tâm đến việc giữ gìn, tôn trọng thể diện.

Qua việc phân tích đặc điểm lời nói nhân vật dựa trên khái niệm thể diện, ta có thể khai thác được những "tầng vĩ" sâu xa hơn trong sáng tác văn học. Những hành vi nhũng nhiễu của Lộ không phải đơn thuần là hành vi nổi loạn của một cá nhân, mà là điềm báo hiệu cho sự bất ổn của một cộng đồng không còn xem thể diện và lịch sự là một chuẩn mực xã hội. Lacroix (1990) có nói: "Sự bất lịch sự là giai đoạn đầu của sự nổi loạn [...]. Việc vi phạm các quy tắc văn minh đánh dấu giai đoạn đầu của tình trạng bất tuân về mặt dân sự" (dẫn theo C.K. Orecchioni, [4]).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đỗ Hữu Châu*, Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2, Nxb GD, 2001.
2. *Nguyễn Đức Dân*, Ngữ dụng học, Tập 1, Nxb GD, 2001.
3. *Hồ Lê*, Quy luật ngôn ngữ, Quyển II: Tính quy luật của cơ chế ngôn giao, Nxb KHXH, 1996.
4. *Orecchioni C. K.*, Les Interactions Verbales, Quyển II, Armand Colin, 1992.
5. *Nguyễn Quang*, Giao tiếp và giao tiếp giao văn hoá, Nxb DHQG, H., 2002.